

# KINH ĐẠI BÁT BIẾT BÀN

## QUYỂN XXVIII

### PHẨM 11: BỒ TÁT SƯ TỬ HỔNG 2

Khi ấy, Đại Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như trước đã nói, ví dụ về trái Am-ma-la chỉ cho bốn hạng người. Có người việc làm thì kỹ mà tâm không chánh thật, có người tâm thì kỹ mà việc làm không chánh thật, có người tâm kỹ mà việc làm cũng chánh thật, có người tâm không kỹ mà việc làm cũng chẳng chánh thật. Hai hạng người đầu, làm thế nào biết được? Như Phật nói, tuy nương đủ cả hai nhưng không thể biết được.

Đức Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Dụ về trái Am-ma-la, hai hạng người v.v... thật khó có thể biết, vì khó biết nên trong kinh, Ta nói: Phải cùng ở chung, ở chung nếu không biết thì phải ở lâu, ở lâu nếu không biết thì nên dùng trí tuệ, dùng trí tuệ nếu không biết thì nên quan sát thật sâu xa, do quan sát sâu xa nên biết là trì giới hay phá giới. Thực hiện đủ bốn việc là ở chung, ở lâu, trí tuệ, quan sát mới biết là trì giới hay phá giới. Này thiện nam! Giới có hai loại. Trì giới cũng có hai: một là giới cứu cánh, hai là giới không cứu cánh. Có người nhờ nhân duyên nên thọ trì giới cấm, người trí phải quán sát người này trì giới là vì lợi dưỡng hay vì cứu cánh. Này thiện nam! Giới của Như Lai không có nhân duyên. Vì thế nên được gọi là giới cứu cánh. Do nghĩa này nên Bồ-tát tuy bị chúng sinh ác làm hại nhưng vẫn không khởi tâm sân hận. Do vậy, Như Lai được gọi là thành tựu trì giới rất ráo, trì giới cứu cánh. Này thiện nam! Trước kia, có lúc Ta cùng Xá-lợi-phất và năm trăm đệ tử đồng ở thành

Chiêm-bà, nước Ma-già-đà. Khi ấy, có người thợ săn đuổi theo một con bồ câu, bồ câu sợ hãi đến núp bóng Xá-lợi-phất nhưng vẫn còn run sợ như cây chuối, nhưng khi đến trong bóng của Ta thì thân tâm nó an ổn hết sợ hãi. Do vậy, nên biết Như Lai Thế Tôn đã trì giới rất ráo, cho đến bóng của thân còn có năng lực như vậy. Này thiện nam! Giới không cứu cánh, không thể đắc quả Thanh văn, Duyên giác, huống gì là có thể đắc quả Bồ-đề vô thượng.

Lại có hai hạng: một là vì lợi dưỡng, hai là vì chánh pháp. Vì lợi dưỡng mà thọ trì giới cấm, nên biết giới này không thấy được Phật tánh và Như Lai, tuy nghe được Phật tánh và danh tự Như Lai nhưng vẫn không được gọi là nghe thấy. Nếu vì chánh pháp mà thọ trì giới cấm, nên biết giới này có thể thấy được Phật tánh và Như Lai, đó gọi là mắt thấy, cũng gọi là nghe thấy. Lại có hai hạng: Một là gốc sâu khó nhỏ, hai là rễ cạn dễ lay. Nếu có thể tu tập Không, Vô tướng, Vô nguyện, thì đó gọi là gốc sâu khó nhỏ; nếu không tu tập ba môn Tam-muội này mà tu tập vì thoát hai mươi lăm cõi thì đó gọi là gốc cạn dễ lay. Lại có hai hạng: Một là vì thân mình, hai là vì chúng sinh. Người vì chúng sinh thì có thể thấy Phật tánh và Như Lai. Người trì giới lại có hai hạng: Một là tự tánh có thể trì, hai là cần phải có người khác dạy bảo. Nếu đã thọ giới mà trải qua vô lượng đời cũng không sai phạm, hoặc sinh nhằm nước ác, gặp bạn ác, thời kỳ ác, đời ác, nghe pháp ác, ở chung với kẻ tà kiến, khi ấy, tuy không có pháp thọ giới nhưng người này vẫn giữ giới pháp như cũ, không hề hủy phạm, thì đó gọi là tự tánh có thể trì giới. Nếu gặp sư Tăng, bạch tứ Yết-ma mà đắc giới, tuy đắc giới rồi nhưng cần phải nương nhờ Hòa thượng, các sư Tăng, bạn lành đồng học dạy bảo chỉ vẽ mới biết được việc nên làm, không nên làm, nghe pháp, nói pháp đầy đủ oai nghi, thì đó gọi là cần phải có người khác dạy bảo. Này thiện nam! Tự tánh có thể trì giới là, mắt thấy Phật tánh và Như Lai, cũng gọi là nghe thấy. Giới lại có hai: Một là giới Thanh văn, hai là giới Bồ-tát. Từ lúc mới phát tâm cho đến thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó gọi là giới Bồ-tát. Từ khi quán xương trắng cho đến chứng quả A-la-hán, đó gọi là giới Thanh văn. Nếu người nào trì giới Thanh văn thì nên biết người này không thấy

Phật tánh và Như Lai. Nếu người nào trì giới Bồ-tát, thì nên biết người này đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thấy được Phật tánh, Như Lai và Niết-bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật.

–Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà thọ trì giới cấm?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Vì tâm không hối hận. Vì sao không hối hận? Vì hưởng niềm an lạc. Vì sao hưởng niềm an lạc? Vì xa lìa. Vì sao xa lìa? Vì sự an ổn. Vì sao an ổn? Vì thiền định. Vì sao thiền định? Vì tri kiến chân thật. Vì sao tri kiến chân thật? Vì thấy những tội lỗi tai họa của sinh tử. Vì sao thấy những tội lỗi tai họa của sinh tử? Vì tâm không tham chấp. Vì sao tâm không tham v Vô thượng. Vì sao được Đại Niết-bàn vô thượng? Vì được pháp thường, lạc, ngã, tịnh. Vì sao được pháp thường, lạc, ngã, tịnh? Vì được bất sinh bất diệt. Vì sao được bất sinh bất diệt? Vì thấy Phật tánh. Do vậy, Bồ-tát tánh có thể tự trì giới thanh tịnh cứu cánh. Này thiện nam! Tỳ-kheo trì giới tuy không phát nguyện cầu tâm không hối hận nhưng tâm không hối hận tự nhiên có được. Vì sao? Vì pháp tánh như vậy. Tuy không cầu sự an lạc, xa lìa, an ổn, tri kiến chân thật nhưng thấy tội lỗi sinh tử, tâm không tham trước giải thoát, Niết-bàn, thường, lạc, ngã, tịnh, bất sinh, bất diệt và thấy Phật tánh mà tự nhiên được. Vì sao? Vì pháp tánh như vậy.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu nhờ trì giới mà được quả không hối hận, nhân nơi giải thoát mà được quả Niết-bàn, thì giới là không nhân, Niết-bàn là không quả. Giới nếu là không nhân thì gọi là thường, Niết-bàn có nhân thì gọi là vô thường. Nếu như vậy thì Niết-bàn trước không mà nay có. Nếu trước không mà nay có thì là vô thường, cũng như thấp ngọn đèn. Niết-bàn nếu như vậy thì sao được gọi là ngã, lạc, tịnh?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Lành thay! Lành thay! Ông đã từng ở chỗ vô lượng chư Phật trồng nhiều căn lành mới có thể hỏi Như Lai về ý

nghĩa sâu xa như vậy. Nay thiện nam! Ông không quên mất việc cũ mới hỏi như vậy. Ta nhớ thuở xưa, cách đây vô lượng kiếp, nơi thành Ba-la-nại, có Đức Phật ra đời hiệu là Thiện Đắc. Khi ấy Đức Phật đó giảng nói kinh Đại Niết-bàn này trong ba ức năm. Lúc ấy Ta và ông cùng ở trong pháp hội đó. Ta đem việc này để thưa hỏi Đức Phật Thiện Đắc. Khi ấy Đức Như Lai vì chúng sinh mà nhập chánh định nên chưa đáp nghĩa này.

Lành thay! Nay Đại sĩ! Ông mới có thể nhớ lại việc cũ như vậy. Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông mà giảng nói. Giới cũng có nhân, tức là nghe chánh pháp; nghe chánh pháp cũng có nhân, tức là gần bạn lành; gần bạn lành cũng có nhân, tức là tín tâm; người có tín tâm cũng có nhân. Nhân có hai loại: Một là nghe pháp, hai là tư duy ý nghĩa. Nay thiện nam! Người có tín tâm là nhân nơi nghe pháp, người được nghe pháp là nhân nơi tín tâm, hai pháp như vậy cũng là nhân mà cũng là nhân của nhân, cũng là quả mà cũng là quả của quả. Nay thiện nam! Ví như Ni-kiền-tử dựng lên bình tròn để vô minh duyên hành, hành duyên vô minh, vô minh và hành cũng là nhân mà cũng là nhân của nhân, cũng là quả mà cũng là quả của quả; cho đến sinh duyên lão tử, lão tử duyên sinh, sinh và lão tử này cũng là nhân mà cũng là nhân của nhân, cũng là quả mà cũng là quả của quả. Nay thiện nam! Sinh có thể sinh ra pháp nhưng không thể tự sinh, vì không thể tự sinh nên do sinh mà sinh ra sinh, sinh ra sinh cũng không tự sinh, lại nhờ sinh mà sinh. Vì thế, hai loại sinh này cũng là nhân mà cũng là nhân của nhân, cũng là quả mà cũng là quả của quả. Nay thiện nam! Tín tâm và nghe pháp cũng vậy. Nay thiện nam! Đó là quả chẳng phải nhân, tức là Đại Niết-bàn. Vì sao gọi là quả? Vì là quả Vô thượng, là quả Sa-môn, quả Bà-la-môn, vì dứt trừ sinh tử, diệt trừ phiền não, do vậy nên gọi là quả. Vì bị các phiền não quở trách nên Niết-bàn gọi là quả, phiền não gọi là lỗi lầm của lỗi lầm. Nay thiện nam! Niết-bàn không có nhân mà thể của nó là quả. Vì sao? Vì không sinh diệt, không tạo tác, chẳng phải hữu vi, vì là vô vi, vì thường không biến đổi, vì không nơi chốn, vì không bắt đầu, không kết thúc. Nay thiện nam! Nếu Niết-bàn có nhân thì không được gọi là Niết-bàn. Bàn là nói nhân, Niết là nói không,

không có nhân nên gọi là Niết-bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hồng thưa:

–Như lời Đức Phật nói, Niết-bàn là không có nhân, nghĩa này không đúng. Nếu nói là không thì hợp lại sáu nghĩa: Một là rốt ráo không, nên gọi là không, như tất cả các pháp không có ngã, không có ngã sở. Hai là có lúc không nên gọi là không, như người đời nói sông hồ không có nước, không có mặt trời mặt trăng. Ba là vì ít nên gọi là không, như người đời nói trong thức ăn ít mặn nên gọi là không mặn, nước ngọt ít ngọt nên gọi là không ngọt. Bốn là không lãnh thọ, nên gọi là không, như Chiên-đà-la không thể thọ trì pháp của Bà-la-môn nên gọi là không có Bà-la-môn. Năm là vì thọ pháp ác, nên gọi là không, như người đời nói người thọ pháp ác không được gọi là Sa-môn và Bà-la-môn, nên gọi là không có Sa-môn và Bà-la-môn. Sáu là vì không đối đãi, nên gọi là không, ví như không trắng thì gọi là đen, không sáng gọi là tối. Bạch Thế Tôn! Niết-bàn cũng như vậy, có khi không nhân nên gọi là Niết-bàn.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Hôm nay ông nói sáu nghĩa như vậy, thế sao ông không dẫn giải “rốt ráo không” để dụ cho Niết-bàn mà lại lấy lúc có lúc không. Này thiện nam! Thể của Niết-bàn rốt ráo không nhân, cũng như không ngã và không ngã sở. Này thiện nam! Pháp thế gian và Niết-bàn không bao giờ giống nhau, cho nên, sáu việc của ông không làm ví dụ được. Này thiện nam! Tất cả các pháp đều không có ngã mà Niết-bàn này chân thật có ngã. Do nghĩa này, nên Niết-bàn không nhân mà thể của nó là quả. Là nhân mà chẳng phải quả, gọi là Phật tánh, vì chẳng phải do nhân sinh nên là nhân mà chẳng phải là quả, vì chẳng phải quả Sa-môn, nên gọi là chẳng phải quả. Thế sao gọi là nhân? Vì là liễu nhân. Này thiện nam! Nhân có hai loại: Một là sinh nhân, hai là liễu nhân. Có khả năng sinh ra pháp nên gọi là sinh nhân, đèn có thể chiếu rõ đồ vật nên gọi là liễu nhân; phiền não trói buộc gọi là sinh nhân, cha mẹ của chúng sinh gọi là liễu nhân; như hạt lúa gọi là sinh nhân, đất, nước, phân gọi là liễu nhân. Lại có sinh nhân tức là sáu pháp Ba-la-mật, Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác, lại có liễu nhân tức là Phật tánh Bồ-đề vô thượng. Lại có liễu nhân tức là sáu pháp Ba-la-mật, Phật tánh, lại có sinh nhân tức là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có liễu nhân tức là tám Thánh đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại có sinh nhân tức là tín tâm, sáu pháp Ba-la-mật.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã nói, thấy Như Lai và Phật tánh, vậy nghĩa ấy như thế nào? Bạch Thế Tôn! Thân Như Lai không có tướng mạo, chẳng phải cao, chẳng phải thấp, chẳng phải trắng, chẳng phải đen, không có phương sở, không ở trong tam giới, chẳng phải tướng hữu vi, chẳng phải nhãn thức thấy được. Như thế thì làm sao có thể thấy được? Phật tánh cũng vậy.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Thân Phật có hai loại: Một là thường, hai là vô thường. Thân vô thường là thân muốn độ thoát tất cả chúng sinh nên phương tiện thị hiện. Đó gọi là mắt thấy. Thân thường tức là thân giải thoát của Như Lai, cũng gọi là mắt thấy và cũng gọi là nghe thấy. Phật tánh cũng có hai: Một là có thể thấy, hai là không thể thấy. Có thể thấy là Bồ-tát Thập Trụ và chư Phật Thế Tôn, không thể thấy là tất cả chúng sinh. Mắt thấy là: Bồ-tát Thập Trụ và chư Phật Như Lai mắt thấy chúng sinh có Phật tánh. Nghe thấy là: Tất cả chúng sinh và Bồ-tát Cửu Trụ nghe có Phật tánh. Thân của Như Lai lại có hai loại: Một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Sắc tức là Như Lai giải thoát, chẳng phải sắc là Như Lai đã dứt hẳn tướng các sắc. Phật tánh có hai: Một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Sắc tức là Như Lai giải thoát, chẳng phải sắc là Như Lai đã dứt hẳn tướng các sắc. Sắc tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng phải sắc tức là hàng phàm phu cho đến Bồ-tát Thập Trụ. Bồ-tát Thập Trụ thấy không rõ ràng, nên gọi là chẳng phải sắc. Này thiện nam! Phật tánh lại có hai: Một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Sắc là chư Phật và Bồ-tát, chẳng phải sắc là tất cả chúng sinh. Sắc gọi là mắt thấy, chẳng phải sắc gọi là nghe thấy. Phật tánh chẳng phải trong cũng

chẳng phải ngoài. Tuy chẳng phải trong, chẳng phải ngoài nhưng chẳng phải hoại mất, nên gọi là chúng sinh đều có Phật tánh.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, như trong sữa có chất sữa đặc. Phật tánh của chư Phật, Lực sĩ Kim cương như đề hồ trong sạch. Thế sao Như Lai nói Phật tánh chẳng ở trong, chẳng ở ngoài?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ta không nói là trong sữa có chất sữa đặc mà vì chất sữa đặc từ sữa sinh ra, nên nói có chất sữa đặc.

–Bạch Thế Tôn! Tất cả sinh pháp đều có thời tiết.

–Này thiện nam! Lúc là sữa thì không có chất sữa đặc, cũng không có váng sữa, bơ, đề hồ, tất cả chúng sinh cũng nói là sữa, cho nên Ta nói trong sữa không có chất sữa đặc. Nếu như có thì vì sao không có cả hai tên? Như người có hai nghề thì gọi là thợ vàng, sắt. Lúc là sữa đặc thì không có sữa tươi, váng sữa, bơ và đề hồ; chúng sinh cũng gọi là sữa đặc chẳng phải sữa, chẳng phải váng sữa, chẳng phải bơ và chẳng phải đề hồ cũng như vậy. Này thiện nam! Nhân có hai loại: Một là chánh nhân, hai là duyên nhân. Chánh nhân là như sữa sinh sữa đặc, duyên nhân là như ủ ấm v.v... Vì từ sữa sinh nên nói trong sữa có tính sữa đặc.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu sữa không có tính sữa đặc thì trong sừng trâu cũng không có. Vậy sao không từ sừng trâu sinh?

–Này thiện nam! Sừng trâu cũng sinh sữa đặc. Vì sao? Vì Ta cũng nói duyên nhân có hai loại: Một là ủ, hai là ấm. Tánh sừng trâu ấm nên cũng có thể sinh sữa đặc.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu sừng trâu có thể sinh sữa đặc thì người tìm sữa đặc vì sao tìm nơi sữa mà không lấy nơi sừng?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Do đó Ta nói chánh nhân và duyên nhân.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Nếu trong sữa vốn không có tính sữa đặc, nay mới có thì trong sữa vốn không có cây Am-ma-la vì sao không sinh? Vì cả hai đều không.

–Này thiện nam! Sữa cũng có thể sinh cây Am-ma-la, nếu dùng sữa tươi trong một đêm thì cao thêm năm thước. Do nghĩa này nên Ta nói có hai loại nhân. Này thiện nam! Nếu tất cả các pháp chỉ một nhân sinh ra thì mới có thể thừa hỏi là, trong sữa sao không có thể sinh cây Am-ma-la!

Này thiện nam! Cũng như bốn đại làm nhân duyên cho tất cả sắc, nhưng sắc mỗi mỗi khác biệt, đều không đồng nhau. Do nghĩa này nên trong sữa không sinh cây Am-ma-la.

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã nói, có hai loại nhân: Chánh nhân và duyên nhân. Vậy Phật tánh của chúng sinh là nhân nào?

–Này thiện nam! Phật tánh của chúng sinh cũng có hai loại nhân: Một là chánh nhân, hai là duyên nhân. Chánh nhân tức là các chúng sinh, duyên nhân tức là sáu pháp Ba-la-mật.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nay con biết chắc sữa có tính của sữa đặc. Vì sao? Vì con thấy trong đời, những người tìm sữa đặc chỉ lấy trong sữa, không bao giờ lấy trong nước. Do vậy nên biết sữa có tính sữa đặc.

–Này thiện nam! Như lời ông hỏi, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì như có chúng sinh muốn thấy mặt mình liền dùng dao soi.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Do nghĩa này nên trong sữa có tính sữa đặc. Nếu trong dao không có gương mặt thì sao dùng dao?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu trong dao này chắc chắn có gương mặt, thế sao dựng đứng thì thấy dài, cầm ngang thì thấy rộng, nếu là gương mặt của mình thì sao thấy dài, nếu là mặt của người khác thì sao nói là mặt mình? Nếu nhân mặt mình mà thấy mặt người khác thế sao không thấy mặt của lừa và ngựa?

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:



–Bạch Thế Tôn! Nhãn quang đến nơi kia nên thấy mặt dài.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Thật sự nhãn quang không đến nơi kia. Vì sao? Vì ở gần, xa thấy được cùng một lúc, không thấy những vật ở chặng giữa. Này thiện nam! Nhãn quang nếu đến nơi kia mà được thấy thì tất cả chúng sinh đều thấy lửa, thế sao không bị cháy? Như người thấy vật trắng ở xa thì không nên sinh nghi là chim hạc chăng? Là cờ hiệu chăng? Là người chăng? Là cây chăng? Nếu nhãn quang đến nơi kia, vậy sao thấy được vật trong thủy tinh, cá và đá ở dưới vực sâu? Nếu nhãn quang không đến thì sao thấy được vật trong thủy tinh, không thấy được màu sắc ngoài vách? Do vậy, nếu nói nhãn quang đến nơi kia mà thấy là dài thì nghĩa này không đúng. Này thiện nam! Như ông đã nói, sữa có tính sữa đặc, sao người bán sữa chỉ lấy giá tiền sữa mà không đòi tiền sữa đặc, người bán ngựa cũng chỉ lấy tiền ngựa mà không đòi tiền ngựa con? Này thiện nam! Người đời vì không con cái nên muốn cưới vợ, nếu vợ có mang thai thì không được nói là con gái, nếu nói là con gái có tánh con nên phải cưới hỏi thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nếu có con thì lẽ ra cũng phải có tánh cháu. Nếu có tánh cháu thì là anh em. Vì sao? Vì cùng một bụng sinh ra. Do vậy Ta nói, người con gái không có tánh con cái, nếu trong sữa có tính sữa đặc thì sao không thấy có năm vị cùng một lúc. Nếu trong hạt cây có tính năm trượng của cây Ni-câu-đà, thì sao không thấy sự khác nhau của mọng cây, nhánh lá, bông trái, màu sắc đồng một lúc. Này thiện nam! Lúc là sữa thì màu khác, vị khác, công dụng khác cho đến đề hồ cũng như vậy. Vậy vì sao có thể nói trong sữa có tính của sữa đặc? Này thiện nam! Như có người sáng mai dùng váng sữa, nay đã sệt hôi. Nếu nói trong sữa nhất định có tính của sữa đặc thì cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như có người dùng viết, giấy, mực viết ra thành chữ, mà trong giấy này vốn không có chữ, vì vốn không có nên nhờ nhân duyên mà thành có, nếu vốn đã có thì cần gì các duyên. Ví như xanh, vàng hợp lại thành màu lục, nên biết hai màu này vốn không có tánh của màu lục, nếu vốn đã có thì cần gì hợp lại mới thành. Này thiện nam! Ví như chúng sinh nhờ ăn mới sống được, nhưng trong vật thực này thật không có

mạng sống, nếu vốn đã có mạng sống thì lúc chưa ăn lẽ ra vật thực này là mạng sống. Nay thiện nam! Tất cả các pháp vốn không có tánh, do nghĩa này nên Ta nói kệ:

*Trước không nay có  
Trước có nay không  
Ba đời có pháp  
Không có điều đó.*

Nay thiện nam! Tất cả các pháp đều do nhân duyên sinh, cũng do nhân duyên diệt. Nay thiện nam! Nếu chúng sinh bên trong có Phật tánh thì tất cả chúng sinh lẽ ra cũng có thân Phật như Ta hôm nay. Phật tánh của chúng sinh không hư, không hoại, không kéo, không bắt, không trói, không buộc, như trong chúng sinh có hư không. Vì tất cả chúng sinh đều có hư không, nhưng mỗi chúng sinh không tự thấy có hư không này. Giả sử chúng sinh không có hư không thì không có lui tới, đi, đứng, ngồi, nằm, không sống, không lớn. Do nghĩa này nên trong kinh Ta nói tất cả chúng sinh đều có khoảng hư không, khoảng hư không đó gọi là hư không. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Bồ-tát Thập Trụ thấy được phần ít như ngọc kim cương. Nay thiện nam! Phật tánh của chúng sinh, cảnh giới của chư Phật, chẳng phải là hàng Thanh văn, Duyên giác biết được. Tất cả chúng sinh đều không thấy Phật tánh nên thường bị phiền não trói buộc, lưu chuyển sinh tử, vì thấy Phật tánh nên các phiền não kết sử không thể trói buộc, giải thoát sinh tử, đạt được Đại Niết-bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh có tánh của Phật tánh, như tánh của sữa đặc trong sữa, nếu sữa không có tánh của sữa đặc thì sao Phật nói có hai loại nhân: Một là chánh nhân, hai là duyên nhân. Duyên nhân có hai: Một là ủ, hai là hơi ấm. Hư không không có tánh nên không có duyên nhân.

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Giả sử trong sữa chắc chắn có tánh của sữa đặc thì cần gì tới duyên nhân?

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì có tánh nên cần tới duyên nhân. Vì sao? Vì muốn thấy rõ ràng. Duyên nhân tức là liễu nhân.

Bạch Thế Tôn! Ví như trong nhà tối, trước đã có những đồ vật, vì muốn thấy rõ nên dùng đèn soi sáng, nếu vốn không có đồ vật thì cần gì đèn soi sáng? Như trong đất có bình nên cần người, nước, vòng, dây, gậy v.v... để làm liễu nhân. Như hạt Ni-câu-đà cần có đất, nước, phân để làm liễu nhân, trong sữa cũng vậy, phải nhờ ủ ấm làm liễu nhân. Vì vậy, tuy trước đã có tánh nhưng cần nhờ vào liễu nhân, sau đó mới thấy được. Do nghĩa này nên chắc chắn biết trong sữa trước đã có tánh của sữa đặc.

–Này thiện nam! Giả sử trong sữa nhất định có tánh của sữa đặc thì tánh này tức là liễu nhân, nếu là liễu nhân thì cần gì phải liễu? Này thiện nam! Nếu là liễu nhân, tánh nó là liễu thì lẽ ra phải thường tự liễu, nếu không tự liễu thì đâu có thể liễu cái khác. Nếu nói liễu nhân có hai loại tánh: Một là tự liễu, hai là liễu tha, thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì một pháp liễu nhân thì làm thế nào có hai loại tánh. Nếu nói có hai thì sữa lẽ ra cũng có hai. Nếu trong sữa không có hai tướng thì làm thế nào liễu nhân riêng có hai tánh?

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như người đời nói, tôi cùng với tám người, liễu nhân cũng vậy, tự liễu và liễu tha.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Liễu nhân nếu vậy thì chẳng phải liễu nhân. Vì sao? Vì số có thể đếm, sắc của mình, sắc của người khác nên nói là tám. Nhưng tánh của sắc này tự nó không có liễu tướng, vì không có liễu tướng nên cần phải nhờ trí tánh mới đếm được tự và tha. Đó là liễu nhân, không thể tự liễu cũng không thể liễu tha. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, vậy vì sao phải tu tập vô lượng công đức? Nếu nói tu tập là liễu nhân thì đồng như sữa đặc bị hư, nếu nói trong nhân nhất định có quả thì giới, định và tuệ lẽ ra không tăng trưởng, nhưng Ta thấy người đời trước kia không có giới

cấm, thiên định và trí tuệ, theo thầy học đạo, dần dần tăng thêm. Nếu nói thầy dạy là liễu nhân, thì chính lúc thầy dạy, người thọ nhận chưa có giới, định và tuệ. Nếu là liễu thì lẽ ra liễu cái chưa có, tại sao nói liễu giới, định và tuệ làm cho được tăng trưởng?

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu liễu nhân là không thì vì sao được gọi có sữa, có sữa đặc?

–Này thiện nam! Giải đáp nạn vấn của người đời có ba cách: Một là chuyển đáp, như trước đã nói vì sao gọi là giới? Vì không ăn năn, cho đến vì được Đại Niết-bàn. Hai là im lặng đáp, như có người Phạm chí đến hỏi Ta: “Ngã là thường chăng?”. Lúc ấy Ta im lặng. Ba là nghi đáp, như trong kinh nói: “Nếu liễu nhân có hai thì tại sao trong sữa không được có hai?”. Này thiện nam! Nay Ta chuyển đáp, như người đời nói có sữa có sữa đặc, vì nhất định được nên được gọi là có sữa có sữa đặc. Phật tánh cũng vậy, có chúng sinh có Phật tánh, vì sẽ thấy.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật đã nói, nghĩa này không đúng. Quá khứ đã diệt rồi, vị lai chưa đến, vậy làm thế nào gọi là có? Nếu nói đang có gọi là có thì nghĩa này không đúng. Như người đời thấy không con cái liền nói là không con cái, tất cả chúng sinh không có Phật tánh, vậy làm thế nào mà nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Quá khứ gọi là có. Ví như trồng cây chanh, mầm mọc lên thì hạt hư mất, mầm cũng ngọt, cho đến sinh quả vị cũng như vậy, khi chín quả mới chua. Này thiện nam! Vị chua ấy, từ hạt mầm cho đến quả non đều không có. Khi trái chín thì màu sắc, hình dáng, tướng mạo thay đổi, sinh ra vị chua. Vị chua này trước không nay có. Tuy trước không nay có nhưng chẳng phải không do hạt lúc trước. Thế nên, hạt lúc trước tuy là quá khứ nhưng được gọi là có, do nghĩa này nên quá khứ gọi là có.

Thế nào lại gọi vị lai là có? Ví như có người trồng cây mè, có

người hỏi: “Vì sao trồng loại cây này?”. Đáp: “Là vì có dầu”. Nhưng thật sự lúc đó chưa có dầu, cây mè đã già, lấy hạt già, ép rồi sau mới ra dầu. Nên biết rằng người này chẳng phải hư vọng. Do nghĩa này nên gọi là vị lai có.

Như thế nào gọi là quá khứ có? Đây thiện nam! Ví như có người, lên mắng nhà vua, trải qua nhiều năm vua mới nghe được, nghe rồi liền hỏi: “Vì sao mắng ta?”. Đáp: “Muôn tâu đại vương! Thần không mắng. Vì sao? Vì sự mắng kia mất rồi”. Vua bảo: “Trẫm và kẻ mắng kia cả hai đều còn, thế sao nói mất?”. Do nhân duyên này, nên phải bị tội chết. Đây thiện nam! Hai điều này thật không có mà quả không mất. Đó gọi là quá khứ có. Thế nào lại gọi là vị lai có? Ví như có người đến nhà thợ gốm hỏi: “Có bình không?”. Đáp: “Có bình”. Nhưng thật ra thợ gốm này chưa có bình, chỉ có đất nên nói có bình. Phải biết thợ gốm này chẳng phải nói dối. Trong sữa có sữa đặc, Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Muốn thấy Phật tánh thì phải quán sát thời tiết, hình sắc. Do vậy nên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, thật không hư vọng.

Bồ-tát Sư Tử Hồng bạch Phật:

–Tất cả chúng sinh không có Phật tánh, làm sao được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

–Nhờ chánh nhân nên khiến chúng sinh được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cái gì là chánh nhân, đó là Phật tánh.

–Bạch Thế Tôn! Nếu hạt Ni-câu-đà không có cây Ni-câu-đà, tại sao gọi là hạt Ni-câu-đà mà không gọi là hạt Khư-đà-la?

Bạch Thế Tôn! Như họ Cù-đàm không được gọi là họ A-kỳ-da, họ A-kỳ-da cũng không được gọi là họ Cù-đàm; hạt Ni-câu-đà cũng như vậy, không được gọi là hạt Khư-đà-la, hạt Khư-đà-la cũng không được gọi là hạt Ni-câu-đà. Cũng như Thế Tôn không được bỏ lia họ Cù-đàm, Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Do nghĩa này nên biết rằng chúng sinh đều có Phật tánh.

Đức Phật dạy:

–Đây thiện nam! Nếu nói trong hạt có cây Ni-câu-đà, thì nghĩa này không đúng. Nếu như có thì ao không thấy? Đây thiện nam! Như

những vật trong đời đều có nhân duyên, nên không thấy được. Thế nào là nhân duyên? Tức là xa không thấy được, như dấu chim bay giữa hư không; gần mà không thấy được, như mắt nhắm mắt nên không thấy, như nhãn căn đã hư; vì loạn tưởng nên không thấy, như tâm không chuyên nhất; vì nhỏ nên không thấy, như vi trần; vì bị che nên không thấy, như tinh tú bị mây bao phủ; vì nhiều nên không thấy, như hạt mè trong đồng lúa; vì giống nhau nên không thấy, như hạt đậu trong đồng đậu; cây Ni-câu-đà không giống tám loại nhân duyên như vậy nếu nó có thì sao không thấy? Nếu nói rằng vì nhỏ quá lại bị che khuất nên không thấy, thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì tưởng cây rất to, nếu cho rằng tánh nhỏ, thì làm thế nào thành cây to? Nếu nói rằng bị che phủ nên không thấy thì lẽ ra thường không được thấy, trước kia không có tướng to, nay thấy to, nên biết rằng tướng to này vốn không có tánh, trước kia không có tánh thấy, nay thì thấy được, nên biết sự thấy này cũng vốn không có tánh, trước kia không có tánh thấy, nay thì thấy được, nên biết sự thấy này cũng vốn không có tánh. Hạt cũng như vậy, trước kia không có cây, nay thì có, như thế có lỗi gì?

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, có hai loại nhân: Một là chánh nhân, hai là liễu nhân. Hạt Ni-câu-đà do đất, nước, phân làm liễu nhân, nên từ nhỏ thành to.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu trước đã có thì cần gì liễu nhân? Nếu trước là không có tánh thì liễu là liễu cái gì? Nếu trong hạt Ni-câu-đà vốn không có tướng to, do liễu nhân mới phát to, thế sao không sinh cây Khư-đà-la? Vì cả hai đều không.

Này thiện nam! Nếu nhỏ không thấy thì lẽ ra to có thể thấy. Ví như một vi trần thì không thấy, còn nhiều vi trần hợp lại thì có thể thấy được. Trong hạt lẽ ra cũng như vậy, to thì có thể thấy. Vì sao? Vì trong đó đã có mầm, thân, hoa, quả; trong mỗi trái có vô lượng hạt, trong mỗi hạt có vô lượng cây, nên gọi là to, vì to nên lẽ ra có thể thấy. Này thiện nam! Nếu hạt Ni-câu-đà có tánh cây Ni-câu-đà

mà mọc lên cây, mắt thấy hạt này bị lửa thiêu cháy, thì lẽ ra tánh thiêu cháy này cũng đã có trước, nếu đã có trước thì lẽ ra cây không mọc lên. Nếu tất cả các pháp vốn đã có sinh diệt, thế sao trước sinh sau diệt không đồng một lúc? Do nghĩa này nên biết là không có tánh.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu hạt Ni-câu-đà vốn không có tánh cây mà sinh ra cây, thì hạt này sao không sinh ra dầu? Cả hai đều không.

–Này thiện nam! Trong hạt ấy cũng có thể sinh ra dầu, tuy vốn không có tánh dầu nhưng nhờ nhân duyên mà có.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao không gọi là dầu mè?

–Này thiện nam! Vì chẳng phải là mè. Này thiện nam! Như duyên lửa sinh ra lửa, duyên nước sinh ra nước, tuy cả hai đều từ duyên nhưng không thể có lẫn nhau được. Hạt Ni-câu-đà và dầu mè cũng như vậy, tuy cả hai đều từ nơi duyên nhưng không sinh lẫn nhau, tánh chất của hạt Ni-câu-đà có thể trị lạnh, tánh của dầu mè có thể trị bệnh phong.

Này thiện nam! Ví như mía ngọt nhờ nhân duyên thành đường phèn, đường đen, tuy cả hai đều từ một duyên, nhưng sắc dáng khác nhau, đường phèn trị nhiệt, đường đen trị lạnh.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như trong sữa không có tánh của sữa đặc, trong mè không có tánh dầu, trong hạt Ni-câu-đà không có tánh cây, trong đất dẻo không có tánh của bình, cũng như tất cả chúng sinh không có tánh Phật. Như trước Đức Phật nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, vì thế nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nghĩa này không phải như vậy. Vì sao? Vì trời và người đều không tánh, do không tánh nên người có thể làm trời, trời có thể làm người. Tất cả đều do nhân duyên của nghiệp không phải là do tánh. Đại Bồ-tát do nhân duyên của nghiệp nên được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu các chúng sinh có Phật tánh thì do nhân duyên gì mà hàng Nhất-xiển-đề đoạn các căn lành, đọa vào địa

ngục? Nếu tâm Bồ đề là Phật tánh thì Nhất-xiển-đề không thể đoạn. Nếu có thể đoạn thì sao lại nói Phật tánh là thường? Còn nếu chẳng phải thường thì không gọi là Phật tánh. Nếu chúng sinh có Phật tánh thì sao gọi là mới phát tâm? Tại sao lại gọi thoái chuyển, bất thoái chuyển? Nếu thoái chuyển thì nên biết người ấy không có Phật tánh.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát một lòng hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đại từ đại bi, thấy tội lỗi của phiền não sinh tử, quán Đại Niết-bàn không có các tội lỗi của sinh tử phiền não, tin ngói Tam bảo và quả báo của nghiệp, giữ gìn giới cấm. Các pháp như vậy gọi là Phật tánh. Nếu xa lìa các pháp này mà có Phật tánh thì cần gì các pháp ấy làm nhân duyên. Bạch Thế Tôn! Như sữa không nhờ duyên chắc chắn sẽ thành sữa đặc, nhưng váng sữa thì chẳng phải vậy, mà cần phải đợi nhân duyên, đó là công người, nước, bình và dây hợp lại. Chúng sinh có Phật tánh cũng vậy, nên xa lìa nhân duyên mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu chắc chắn là có thì tại sao người tu hành thấy sự khổ sinh, già, bệnh, chết trong ba đường ác mà sinh tâm thoái lui, cũng không cần tu sáu pháp Ba-la-mật mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như sữa chẳng nhờ duyên mà thành sữa đặc. Nhưng chẳng phải là chẳng nhờ nhân tu sáu pháp Ba-la-mật mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên biết chúng sinh đều không có Phật tánh. Như trước Đức Phật nói Tăng bảo là thường, đã là thường thì chẳng phải vô thường. Nếu chẳng phải là vô thường, tại sao Tăng bảo lại được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Còn nếu Tăng là thường, tại sao nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh?

Bạch Thế Tôn! Giả sử chúng sinh từ xưa đến nay không có tâm Bồ-đề, cũng không có tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà về sau mới có thì Phật tánh của chúng sinh đáng lẽ cũng trước không, sau có như vậy. Do nghĩa này, nên tất cả chúng sinh lẽ ra không có Phật tánh.

Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam! Từ lâu ông đã biết nghĩa của Phật tánh, nhưng vì chúng sinh nên thưa hỏi như vậy. Tất



cả chúng sinh thật có Phật tánh. Ông nói nếu chúng sinh có Phật tánh thì lẽ ra không có người mới phát tâm? Đây thiện nam! Tâm chẳng phải là Phật tánh. Vì sao? Vì tâm vốn là vô thường, còn Phật tánh là thường. Ông nói sao lại có người thoái tâm. Thật không có thoái tâm. Nếu có thoái tâm thì không bao giờ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì được chậm nên gọi là thoái. Tâm Bồ-đề này thật chẳng phải là Phật tánh. Vì sao? Vì hạng Nhất-xiển-đề đoạn dứt căn lành, đọa vào địa ngục, nếu tâm Bồ-đề là Phật tánh thì hạng Nhất-xiển-đề không được gọi là Nhất-xiển-đề, tâm Bồ-đề cũng không được gọi là vô thường. Do đây nên biết chắc chắn tâm Bồ-đề không phải là Phật tánh.

Này thiện nam! Ông nói, nếu chúng sinh có Phật tánh thì lẽ ra không cần nhờ nhân duyên mà được, như sữa thành sữa đặc. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nếu nói phải có năm duyên mới thành váng sữa thì nên biết Phật tánh cũng như vậy. Như trong các thứ đá có vàng, có bạc, có đồng và có sắt, đều là gốc bốn đại đồng một tên, đồng một vật có thật, nhưng mỗi thứ đều sản xuất mỗi khác, không giống nhau, cần phải nhờ đủ các duyên, phước đức của chúng sinh, lò đúc và công người, rồi sau đó mới có được. Vì thế nên biết tánh vàng vốn không có, Phật tánh của chúng sinh cũng không gọi là Phật được. Phải nhờ các nhân duyên công đức hòa hợp mới được thấy Phật tánh, rồi sau đó mới được thành Phật. Ông nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh thì sao lại không thấy, nghĩa này không phải vậy. Vì sao? Vì các nhân duyên chưa hòa hợp. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên Ta nói có hai nhân: Chánh nhân và duyên nhân. Chánh nhân là Phật tánh, Duyên nhân là phát tâm Bồ-đề. Do hai nhân duyên này mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như đá mà sản xuất ra vàng.

Này thiện nam! Ông nói Tăng bảo thường trụ và tất cả chúng sinh không có Phật tánh. Đây thiện nam! Tăng gọi là hòa hợp. Hòa hợp có hai: Một là thế gian hòa hợp, hai là Đệ nhất nghĩa hòa hợp. Thế gian hòa hợp là Tăng Thanh văn, Đệ nhất nghĩa hòa hợp là Tăng Bồ-tát. Tăng thế gian là vô thường, còn Phật tánh là thường. Nếu Phật tánh là thường thì nghĩa Tăng cũng như vậy.

Lại nữa, có Tăng gọi là pháp hòa hợp. Pháp hòa hợp là mười hai bộ loại kinh văn. Mười hai bộ loại kinh văn là thường nên Ta nói Pháp Tăng là thường. Nay thiện nam! Tăng gọi là hòa hợp. Hòa hợp đây chính là mười hai nhân duyên, trong mười hai nhân duyên cũng có Phật tánh. Mười hai nhân duyên là thường, nên Phật tánh cũng như vậy. Do vậy, nên Ta nói Tăng có Phật tánh.

Lại nữa, Tăng có nghĩa là chư Phật hòa hợp. Vì thế nên Ta nói Tăng có Phật tánh. Nay thiện nam! Ông nói, nếu chúng sinh có Phật tánh, thì tại sao có kẻ thoái tâm, có người không thoái? Nay thiện nam! Lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông phân biệt giảng nói. Đại Bồ-tát có mười ba pháp thì liền bị thoái chuyển. Những gì là mười ba? Một là tâm chẳng tin, hai là tâm chẳng làm, ba là tâm nghi ngờ, bốn là tham tiếc thân mạng và tài sản, năm là sinh lòng quá sợ hãi đối với Niết-bàn thế nào mới khiến cho chúng sinh diệt độ hoàn toàn, sáu là tâm không chịu đựng, bảy là tâm không nhu hòa, tám là tâm sâu nã, chín là tâm không an lạc, mười là tâm buông lung, mười một là tự khinh thân mình, mười hai là tự thấy phiền não không thể phá hoại, mười ba là không ưa thích những pháp môn tiến đến Bồ-đề. Nay thiện nam! Đó là mười ba pháp làm cho các Bồ-tát thoái chuyển đạo Bồ-đề vô thượng. Lại có sáu pháp làm hư hoại tâm Bồ-đề. Những gì là sáu? Một là bỏn sẻn pháp, hai là đối với các chúng sinh khởi tâm chẳng lành, ba là gần gũi bạn ác, bốn là không siêng năng tinh tấn, năm là tự cao ngã mạn, sáu là kinh doanh nghề nghiệp thế gian. Sáu pháp như thế có thể phá hoại tâm Bồ-đề.

Nay thiện nam! Có người được nghe chư Phật Thế Tôn là Thầy của hàng trời và người, là bậc Tối thượng trong tất cả chúng sinh, không ai bằng, hơn tất cả hàng Thanh văn và Phật-bích-chi, là bậc có pháp nhãn thấu suốt, thấy rõ tất cả các pháp không ngăn ngại, có thể đưa chúng sinh vượt qua biển khổ lớn. Nghe như vậy rồi, người này liền phát nguyện lớn: “Nếu trong thế gian này có người như vậy, thì ta cũng sẽ được”. Do nhân duyên đó nên người ấy phát tâm Bồ-đề vô thượng. Hoặc có người nhờ người khác khuyên dạy mà phát tâm Bồ-đề. Hoặc có người nghe Bồ-tát trải qua vô số kiếp tu hành khổ hạnh, rồi sau đó mới đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nghe rồi tự nghĩ: “Nay ta không thể chịu nổi những khổ hạnh như vậy thì làm sao đắc Bồ-đề vô thượng?”. Do đó, nên có tâm thoái chuyển.

Này thiện nam! Lại có năm pháp thoái tâm Bồ-đề. Những gì là năm? Một là thích xuất gia theo ngoại đạo, hai là không tu tập đại từ, ba là hay tìm lỗi của pháp sư, bốn là thường thích ở nơi sinh tử, năm là không thích thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói mười hai bộ loại kinh văn. Đó là năm pháp làm thoái tâm Bồ-đề. Lại có hai pháp làm thoái tâm Bồ-đề. Những gì là hai? Một là tham ưa năm dục, hai là không cung kính, tôn trọng Tam bảo. Do các nhân duyên như vậy nên làm thoái tâm Bồ-đề. Thế nào gọi là không thoái tâm? Có người nghe nói Đức Phật có thể cứu độ cho chúng sinh thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, không theo thầy học hỏi, tự nhiên tu tập mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nghĩ: “Nếu đạo Bồ-đề có thể đắc thì ta sẽ tu tập quyết làm cho được”. Do nhân duyên này, nên người ấy phát tâm Bồ-đề. Công đức đã tu tập hoặc nhiều hoặc ít đều hồi hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người ấy nguyện: “Tôi nguyện thường được gần gũi chư Phật và đệ tử Phật, thường nghe pháp thâm diệu, đầy đủ năm căn, dù cho khó khăn gian khổ cũng không để mất tâm Bồ-đề này”. Lại nguyện: “Chư Phật và các đệ tử luôn có lòng hoan hỷ đối với tôi, nguyện tôi đủ năm căn lành. Nếu chúng sinh nào chém đứt thân thể, chặt đứt tay chân, đầu mắt và các chi phần trên thân thể tôi, tôi sẽ đối với người ấy sinh lòng đại từ, tự rất vui mừng, vì nhờ các người như thế làm tăng trưởng tâm Bồ-đề của tôi. Nếu không có họ thì tôi sẽ duyên vào đâu để thành tựu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Lại phát nguyện: “Đời đời tôi được khỏi thân người nữ, thân hai căn, không căn, không bị làm nô lệ, không gặp chủ hung ác, không làm quyến thuộc của vua ác, không sinh vào cõi ác. Nếu được thân đẹp đẽ, dòng họ chân chánh, có nhiều cửa báu, tôi không sinh lòng kiêu mạn. Nguyện tôi thường nghe mười hai bộ loại kinh văn và thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói. Khi tôi giảng nói cho chúng sinh, nguyện cho người nghe đều kính tin, không nghi ngờ, thường không sinh lòng ác với tôi. Thà nghe ít mà hiểu nhiều về nghĩa lý, chẳng

muốn nghe nhiều mà không hiểu nghĩa lý. Nguyên làm thầy của tâm mình, chẳng để tâm làm thầy. Nghiệp thân, miệng, ý không giao tiếp với kẻ ác, có thể ban bố an lạc cho tất cả chúng sinh, giới thân tuệ mạng đều vững chắc như núi, không bị lay động. Vì muốn thọ trì chánh pháp vô thượng nên đối với thân mạng, tài sản không hề sinh tâm bồn sển, không đem vật bất tịnh làm phước, tự sống bằng chánh mạng, tâm không tà vạy, khi thọ ân luôn nghĩ ân nhỏ đền đáp lớn, khéo biết các nghề nghiệp trong đời, hiểu rõ ngôn ngữ, phong tục địa phương của chúng sinh, đọc tụng, biên chép mười hai bộ kinh văn không hề nhầm chán, biếng nhác. Nếu các chúng sinh không thích nghe kinh thì dùng phương tiện dẫn dắt khiến họ thích nghe, thường nói lời dịu dàng, êm ái, miệng không nói lời ác, chúng không hòa hợp có thể làm cho hòa hợp, có người lo sợ sẽ làm cho họ xa lìa lo sợ, gặp đời đói kém sẽ khiến được no đủ, gặp đời dịch bệnh thì làm vị đại lương y, tự có đủ thuốc men, của báu làm cho người bệnh được lành mạnh, ở kiếp đao binh thì có thế lực lớn đoạn dứt các sự tàn hại, khiến không còn sót, có thể đoạn trừ các sự sợ hãi cho chúng sinh như bị giết, bị giam, bị trói, bị đánh đập, những nạn về nước, lửa, vua chúa, giặc cướp, nạn nghèo khổ, phá giới, tiếng xấu, đường ác... những sự sợ hãi như vậy đều sẽ đoạn dứt hết. Đối với cha mẹ, sư trưởng thì rất cung kính, đối với kẻ oán ghét, sinh lòng đại từ, thường tu tập môn Tam-muội Lục niệm không, sự sinh diệt của mười hai nhân duyên, quán hơi thở ra vào, Thiên hạnh, Phạm hạnh và Thánh hạnh, Tam-muội Kim cang, định Thủ-lăng-nghiêm, ở nơi không có ngôi Tam bảo khiến cho tâm định tĩnh. Nếu khi thân tâm chịu sự khổ nạn lớn, nguyện không để mất tâm Bồ-đề vô thượng, không dùng tâm Thanh văn, Phật-bích-chi mà cho là đủ. Nếu ở chỗ không có Tam bảo thì nguyện xuất gia trong pháp của ngoại đạo vì để phá trừ tà kiến chứ không tu tập đạo ấy để được pháp tự tại và tâm tự tại; đối với pháp hữu vi thì thấy rõ sự lỗi lầm, khiến tôi sợ hãi đạo quả của hàng Nhị thừa, như người tiếc mạng sống mà sợ mất thân. Vì chúng sinh nên thích ở trong ba đường ác, như các chúng sinh thích sống ở cõi trời Đao-lợi; vì tất cả chúng sinh ở vô lượng kiếp chịu khổ của địa ngục, không sinh tâm hối hận; thấy người khác được lợi ích

chẳng sinh lòng ganh tỵ mà thường khởi tâm vui mừng như mình được lợi lạc, nếu gặp ngôi Tam bảo sẽ đem y phục, thực phẩm, đồ nằm, nhà cửa, thuốc men, đèn đuốc, hương hoa, kỹ nhạc, phướn lọng v.v... bầy bái cúng dường. Nếu thọ giới pháp của Phật thì giữ gìn chắc chắn không hề có tư tưởng hủy phạm. Nếu nghe hạnh khổ khó làm của Bồ-tát thì tâm vui mừng không hối hận. Tự biết những việc đời trước, không bao giờ tạo nghiệp tham, sân, si; không vì quả báo mà tu tập nhân duyên, đối với cái vui của hiện tại không đắm trước”.  
Này thiện nam! Nếu có thể phát nguyện như vậy, gọi là Bồ-tát không bao giờ thoái mất tâm Bồ-đề, cũng gọi là thí chủ, có thể thấy Đức Như Lai, thấy rõ Phật tánh, có thể điều phục chúng sinh, vượt qua sinh tử, khéo có thể giữ gìn chánh pháp vô thượng, có thể đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật. Này thiện nam! Do nghĩa này nên tâm không thoái chuyển chẳng gọi là Phật tánh.

Này thiện nam! Ông không thể đem tâm thoái chuyển mà nói rằng các chúng sinh không có Phật tánh. Ví như hai người đều nghe ở phương khác có núi bảy báu, trong núi có suối nước trong, vị ngon ngọt. Người nào có thể đến được núi này thì hoàn toàn đoạn dứt sự nghèo cùng. Nếu ai uống được nước suối ấy thì sống lâu muôn tuổi, chỉ vì đường xá xa xôi, hiểm trở, nhiều tai nạn. Khi ấy, hai người ấy đều muốn cùng đi với nhau, một người thì sắm sửa hành trang đầy đủ, còn một người thì đi tay không, chẳng đem hành trang gì cả, họ cùng nhau tiến về phía trước. Giữa đường, gặp một người mang theo nhiều của báu, đầy đủ bảy loại báu, hai người bước tới hỏi: “Thưa nhân giả! Cõi ấy thật có núi báu không?”. Người ấy đáp: “Thật có không sai. Chính tôi đã được của báu và uống nước suối ngọt, chỉ sợ đường xa hiểm trở, giặc cướp quá nhiều, hầm hố chông gai, lại thiếu nước, thiếu cỏ, ngàn vạn người đi nhưng rất ít người được”. Nghe sự việc rồi, một người liền hối hận, nói: “Đường xá xa xôi, gian nan thì nhiều, vô lượng người đi mà chẳng mấy người được, vậy làm sao tôi có thể đến núi báu được? Nay, sản nghiệp của tôi cũng tạm đủ dùng, nếu cố gắng đi tiếp tục hoặc có thể mất mạng. Thân mạng mà không vẹn toàn thì mong gì đến trường thọ?”. Một người lại nói: “Có người qua được thì tôi cũng có thể qua được, nếu được kết quả thì được như

nguyện là lượm lấy của báu và uống nước suối ngọt, còn không được kết quả thì dù chết cũng toại nguyện”. Khi ấy, hai người, một người hối hận quay về còn một người thì tiến đến núi báu. Người ấy đến núi báu rồi, lượm được nhiều của báu, uống nước suối ngọt như điều mong ước rồi mang nhiều của báu trở về nhà, phụng dưỡng cha mẹ, cung cấp cho thân bằng quyến thuộc.

Bấy giờ, người hối hận trở về thấy sự việc ấy rồi, nóng lòng: “Anh ấy đi trở về rồi, tại sao ta còn ở đây?”. Người ấy liền sắm sửa hành trang, đi thẳng đến núi báu. Núi bảy báu dụ cho Đại Niết-bàn, nước suối ngọt dụ cho Phật tánh, hai vị ấy dụ cho hai vị Bồ-tát mới phát tâm, đường hiểm ác dụ cho sinh tử, giữa đường gặp người dụ cho Phật Thế Tôn, giặc cướp dụ cho bốn loại ma, hầm hố chông gai dụ cho các phiền não, không nước, không cỏ dụ cho không tu tập Đạo Bồ-đề, người trở về dụ cho Bồ-tát thoái chuyển, người đi thẳng dụ cho Bồ-tát bất thoái.

Này thiện nam! Phật tánh của chúng sinh thường trụ, chẳng biến đổi, như đường hiểm nạn kia, không thể nói rằng vì người ăn năn trở về nên khiến đường thành vô thường. Phật tánh cũng vậy. Này thiện nam! Trong đạo Bồ-đề không hề có thoái chuyển. Này thiện nam! Như người ăn năn trở về kia, thấy bạn trước đó được của báu mang về, giàu có tự tại, cung phụng cha mẹ, cấp phát đầy đủ cho thân bằng quyến thuộc, được nhiều sự an vui, thấy việc này rồi nóng lòng, liền sắm sửa hành trang lên đường, không tiếc thân mạng, chịu các khổ nạn, liền đi đến thẳng trong núi báu kia. Bồ-tát thoái chuyển cũng vậy. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh chắc chắn sẽ được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên trong kinh, Ta nói: “Tất cả chúng sinh cho đến kẻ tạo tội ngũ nghịch, phạm bốn giới trọng và hạng Nhất-xiển-đề đều có Phật tánh”.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát thoái chuyển và không thoái chuyển? Này thiện nam! Bồ-tát tu tập nghiệp nhân ba mươi hai tướng tốt của Như Lai thì được gọi là bậc Bất thoái, được gọi là Đại Bồ-tát, được gọi là bậc Bất động chuyển, gọi là bậc thương xót tất cả

chúng sinh, gọi là bậc hơn hết tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác, gọi là bậc Bất thoái chuyển.

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát nào trì giới không lay động, tâm bố thí không dời đổi, an trụ nơi lời nói chân thật như núi Tu-di, thì do nghiệp nhân này mà được tướng tốt ở dưới bàn chân bằng phẳng.

Nếu Đại Bồ-tát ở nơi cha mẹ, Hòa thượng, Sư trưởng cho đến loài súc sinh, đem cửa cải đúng như pháp mà cúng dường cung cấp thì do nghiệp nhân này, được tướng tốt dưới bàn chân có xoáy tròn như hình bánh xe có ngàn nan hoa.

Nếu Đại Bồ-tát không sát sinh, không trộm cắp, đối với cha mẹ, Sư trưởng thường sinh tâm hoan hỷ thì do nghiệp nhân này mà được ba tướng: Một là ngón tay thon dài, hai là ngón chân đầy đặn, ba là thân thể đoan nghiêm. Ba tướng như vậy đều do một nghiệp duyên.

Nếu Đại Bồ-tát tu tập bốn nhiếp pháp để giáo hóa chúng sinh thì do nghiệp nhân này được tướng ngón tay có màng lưới như ngỗng chúa trắng.

Nếu Đại Bồ-tát khi cha mẹ, Sư trưởng có bệnh khổ, tự tay tắm rửa, săn sóc, dìu đỡ, xoa bóp thì do nghiệp nhân này mà được chân tay mềm mại.

Nếu Đại Bồ-tát giữ giới, nghe pháp và bố thí không nhàm chán thì do nghiệp duyên này, được tướng mắt cá, lông đốt đều đầy đặn, lông trên thân uốn cong lên.

Nếu Đại Bồ-tát chuyên tâm lắng nghe pháp và diễn nói chánh pháp thì do nghiệp duyên này được bắp chân như tướng Lộc vương.

Nếu Đại Bồ-tát đối với các chúng sinh không khởi tâm làm tổn hại, ăn uống biết đủ, luôn thích bố thí, chăm sóc bệnh tật, cung cấp thuốc men, thì do nghiệp duyên này được thân hình to lớn, tròn đầy như cây Ni-câu-đà, khi đứng tay dài quá đầu gối, có nhục kế trên đỉnh đầu.

Nếu Đại Bồ-tát thấy người sợ hãi thì cứu hộ cho họ, thấy người lỏa lồ, rách rưới thì bố thí y phục, do nghiệp duyên này được tướng mã âm tàng.

Nếu Đại Bồ-tát gần gũi người trí, xa lánh kẻ ngu, khéo ưa hỏi đáp, quét dọn đường đi thì do nghiệp duyên này được da mỏng mịn màng, lông trên thân uốn về bên phải.

Nếu Đại Bồ-tát thường đem y phục, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc men, hoa hương, đèn đuốc bố thí cho người thì do nghiệp duyên này, được thân sắc vàng ròng, thường có hào quang chiếu sáng.

Nếu Đại Bồ-tát khi thực hành bố thí, những vật quý báu có thể đem cho, không tiếc lẫn, không nghĩ là ruộng phước hay chẳng phải ruộng phước thì do nghiệp duyên này, được tướng bảy chỗ đầy đặn.

Nếu Đại Bồ-tát khi bố thí tâm không nghi ngờ thì do nghiệp duyên này được tiếng nói dịu dàng.

Nếu Đại Bồ-tát đúng như pháp mà cầu của cải để đem bố thí thì do nghiệp duyên này được tướng tốt nơi thân, chỗ xương thiếu đều đầy đủ, thân như sư tử, cánh tay thon dài.

Nếu Đại Bồ-tát xa lìa hai lưỡi, nói lời ác và tâm sân giận thì do nghiệp duyên này được bốn mươi cái răng trắng, trong, đều nhau và khít.

Nếu Đại Bồ-tát đối với các chúng sinh có lòng đại từ bi thì do nghiệp duyên này được tướng bốn răng cửa tốt.

Nếu Đại Bồ-tát thường phát nguyện như vậy: “Có người đến cầu xin, sẽ tùy theo ý muốn của họ mà cung cấp cho”, thì do nghiệp duyên này được hai bên gò má như sư tử.

Nếu Đại Bồ-tát tùy theo nhu cầu ăn uống của các chúng sinh mà cung cấp thì do nghiệp duyên này được vị ngon nhất trong các vị.

Nếu Đại Bồ-tát tự tu hành mười điều lành và đem giáo hóa cho người thì do nghiệp duyên này được tướng lưỡi rộng dài.

Nếu Bồ-tát không nói lời xấu của người, cũng không chê bai chánh pháp, do nghiệp duyên này được giọng nói như Phạm Thiên.

Nếu Đại Bồ-tát thấy những người oán ghét mà sinh lòng hoan hỷ thì do nghiệp duyên này được trông mắt màu xanh biếc.

Nếu Đại Bồ-tát không che giấu tài đức của người khác mà hiển bày điều tốt của họ thì do nghiệp duyên này được tướng bạch hào.



Này thiện nam! Nếu Đại Bồ-tát khi tu tập nghiệp duyên ba mươi hai tướng như vậy thì được tâm Bồ-đề không thoái chuyển.

Này thiện nam! Tất cả chúng sinh không thể nghĩ bàn; cảnh giới, nghiệp quả của chư Phật và Phật tánh cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì bốn pháp này đều gọi là thường, vì thường nên không thể nghĩ bàn. Tất cả chúng sinh vì bệnh phiền não che lấp nên gọi là thường, vì đoạn trừ phiền não thường nên gọi là vô thường. Nếu nói rằng tất cả chúng sinh là thường thì sao lại tu tập tám Thánh đạo để đoạn trừ các sự khổ? Nếu các khổ đã đoạn trừ thì gọi là vô thường, sự an vui được hưởng thọ thì gọi là thường. Vì thế nên Ta nói, tất cả chúng sinh bị phiền não che lấp nên không thấy Phật tánh, do không thấy Phật tánh nên không đạt được Niết-bàn.

